

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự (tiền hui)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2018/TLST-DS ngày 24/5/2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (tiền hui), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-DS ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị A, sinh năm 1959; HKTT: Ấp X, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1981; HKTT: Ấp X, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà A có mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2018, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị A trình bày:**

Bà A làm chủ hội còn bà N là hội viên. Bà N tham gia chơi của bà A 01 dây hội tháng với số tiền 1.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là 25/7/2016, hội có 17 phần, hội mãn ngày 25/11/2017. Bà N tham gia chơi 01 phần hội và hốt hội vào ngày 25/8/2016 và bà A đã giao tiền hội cho bà N đầy đủ. Khi giao tiền hội thì bà N có ký nhận tiền hội và xác nhận còn nợ tiền hội chết là 15 tháng tương đương tổng số tiền là 15.000.000 đồng, “Giấy giao hội” là do bà A viết và bà N ký tên và ghi họ tên xác nhận. Sau đó, bà N đã đóng hội chết cho bà A được 02 tháng tương đương số tiền là 2.000.000 đồng thì bà N không đóng nữa cho đến nay. Việc bà N đã đóng 02 tháng hội chết, bà A không lập giấy tờ giao nhận gì đối với bà N. Tính đến nay, bà N còn nợ bà A 13 tháng hội chết với số tiền là 13.000.000 đồng.

Bà A xác định, quy trình làm chủ hội và chơi hội của bà A: Sau khi mời các hội viên đồng ý tham gia chơi hội, bà A lập danh sách hội viên trong đó thể hiện tên dây hội là bao nhiêu tiền, ngày mở hội, số phần hội và ngày mãn hội rồi giao cho mỗi hội viên một bản để theo dõi. Bà A lập sổ hội cái để theo dõi việc thu gom hội và giao hội, ai hốt hội ngày nào thì ghi số tiền kêu hội và hốt hội còn người đóng hội sống thì ghi số tiền hội sống phải đóng, còn người đóng tiền hội chết thì ghi số tiền đóng hội chết. Người nào chưa đóng thì bỏ trống không ghi và sẽ ghi bù vào khi họ đóng đủ tiền.

Nay, bà A khởi kiện yêu cầu buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ hội là 13.000.000 đồng của dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 25/7/2016, mãn hội ngày 25/11/2017.

Chứng cứ nguyên đơn bà A cung cấp: 01 đơn khởi kiện ngày 17/5/2018, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thường trú của nguyên đơn bà A, 01 giấy giao hội lập ngày 25/8/2016 (đã được đối chiếu bản gốc), 01 bản sao danh sách hội viên và quá trình thu gom hội (trích sao từ sổ hội cái, đã được đối chiếu bản gốc), bản tự khai ngày 18/5/2018 của bà A, biên bản làm việc ngày 05/7/2018.

*** *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/6/2018 bị đơn bà Huỳnh Ngọc N trình bày:***

Bà A làm chủ hội còn bà N là hội viên. Bà N tham gia chơi của bà A 01 dây hội tháng với số tiền 1.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là 25/7/2016, hội có 17 phần. Bà N tham gia chơi 01 phần hội và hốt hội vào ngày 25/8/2016 với số tiền hốt được là 17.000.000 đồng. Số tiền hốt hội, bà A có trừ tiền hoa hồng cho bà A chủ hội là 500.000 đồng và trả tiền nợ của bà A là 1.500.000 đồng, số tiền thực nhận là 15.000.000 đồng. Khi nhận tiền hội, bà N có ký tên xác nhận vào giấy nhận tiền hội do bà A viết. Bà N xác định đã đóng xong tiền hội cho bà A, không còn nợ tiền hội của bà A vì bà N là người hốt hội cuối cùng. Ngoài ra, bà N thừa nhận còn nợ bà A số tiền đã vay trước đó là 4.000.000 đồng chưa trả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo số 81/TB-TA ngày 07/8/2018 về việc yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh đã đóng

xong tiền hui chết cho bà A nhưng bà N không hợp tác, không cung cấp được chứng cứ.

Bà N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến tại phiên hòa giải và phiên tòa.

Chứng cứ bị đơn bà N cung cấp: biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/6/2018.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà A có mặt, bị đơn bà N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử vụ án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền hui)”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị, khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà A có mặt, bị đơn bà N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà N thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc vắng mặt của bị đơn bà N là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà N theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà A khởi kiện bà N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền hui) với số tiền là 13.000.000 đồng. Bà Như có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền hui).

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2018, bà A khởi kiện bà N yêu cầu thanh toán tổng số tiền là 13.000.000 đồng là tiền hui chết còn nợ của dây hui tháng với số tiền 1.000.000 đồng, mở ngày 25/7/2016, hui có 17 phần và bà N tham gia 01 phần, hui mất ngày 25/11/2017. Theo bà A, bà N hốt hui vào ngày 25/8/2016 và còn phải đóng 15 kỳ hui chết tương ứng số tiền 15.000.000 đồng nhưng bà N chỉ đóng được 02 kỳ với số tiền là 2.000.000 đồng, còn nợ lại 13.000.000 đồng. Chứng cứ bà A cung cấp là giấy giao hui lập ngày 25/8/2016,

01 bản sao danh sách hội viên và quá trình thu gom hội (trích sao từ sổ hội cái) đã thể hiện đúng như lời trình bày của bà A.

[4] Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26/6/2018, bà N xác định có tham gia chơi hội đúng như bà A trình bày, đúng ngày hốt hội là ngày 25/8/2016 nhưng lại xác định là người hốt cuối, đã đóng xong hết tiền hội cho bà A. Lời trình bày của bà N là không phù hợp, bởi hội có 17 phần, ngày 25/8/2016 chỉ là kỳ khai hội thứ hai, không phải kỳ cuối. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo số 81/TB-TA ngày 07/8/2018 về việc yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh đã đóng xong tiền hội chết cho bà A nhưng bà N không hợp tác, không cung cấp được chứng cứ.

[5] Xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ các bên đương sự cung cấp, sự thừa nhận của các bên và tranh tụng công khai tại phiên tòa có căn cứ xác định bà N vẫn còn nợ bà A số tiền hội chết của 13 phần hội tương ứng với số tiền là 13.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được hướng dẫn tại Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị A đối với bà Huỳnh Ngọc N về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền hội)”.

Buộc bà Huỳnh Ngọc N có trách nhiệm thanh toán cho bà Phan Thị A số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà N còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Huỳnh Ngọc N phải chịu số tiền là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho bà Phan Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0011852 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 17/10/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng